

NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH 55 NĂM PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN KINH TẾ TRUNG QUỐC

NGUYỄN KIM BẢO*

Sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân Trung Quốc bước vào thực hiện mục tiêu xây dựng công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Song, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hoá như thế nào lại chưa có lời giải sẵn, các bước đi chưa thể xác định rõ ràng. Thực trạng này đòi hỏi các nhà nghiên cứu kinh tế phải từng bước tìm ra những vấn đề lý luận kinh tế, đặt cơ sở cho việc hoàn thành mục tiêu hiện đại hoá Trung Quốc vào giữa thế kỷ XXI.

Trải qua 55 năm xây dựng và phát triển, quá trình hình thành lý luận kinh tế của Trung Quốc có thể chia ra làm 4 thời kỳ:

1. Thời kỳ 1949 - 1955: Thời kỳ khởi đầu

Sau khi hoàn thành thắng lợi công cuộc cách mạng dân chủ mới (1-10-1949), Trung Quốc bước vào khôi phục nền kinh tế quốc dân. Mô hình quản lý kinh tế lúc đó làm theo kiểu quản lý thống nhất tập trung cao độ mà Liên Xô đã áp dụng trước đó. Đặc trưng của mô hình

này là Nhà nước thống nhất quản lý, chỉ huy điều tiết mọi hoạt động kinh tế thuộc mọi lĩnh vực sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu thụ, đưa nền kinh tế vào quỹ đạo kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước.

Do vậy, trong thời kỳ này, chiếm vị trí chủ yếu trên diễn đàn kinh tế Trung Quốc là quan điểm lý luận kinh tế XHCN truyền thống, cho rằng sản xuất hàng hoá là “di vật” (vật để lại) của chế độ tư hữu, quy luật giá trị là lực lượng “dị kỷ” (khác với) CNXH, kinh tế thị trường là đối lập với kinh tế kế hoạch XHCN... Với quan điểm này, ở Trung Quốc, người ta đã hạ vai trò của sản xuất hàng hoá và quy luật giá trị xuống mức thấp nhất.

2. Thời kỳ 1956 - 1965: Thời kỳ tìm tòi

Thời kỳ này, các nhà kinh tế Trung Quốc đã đi sâu tìm hiểu và phát hiện ra những lý luận trên đây mâu thuẫn với thực tiễn. Trong kinh tế, sản xuất hàng hoá và trao đổi hàng hoá mang tính tất yếu, quy luật giá trị có vai trò điều tiết thị trường. Do vậy, họ đã bắt đầu nảy

* TS. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

sinh những tranh luận về vấn đề tồn tại của sản xuất hàng hoá, về quy luật giá trị.

2.1. Về vấn đề tồn tại của sản xuất hàng hoá

Tranh luận xung quanh vấn đề này có 4 loại quan điểm khác nhau:

- *Quan điểm do tàn dư của chế độ tư hữu để lại*

Theo quan điểm này, hàng hoá là sản phẩm của chế độ tư hữu thông qua mua bán để cung cấp cho tiêu dùng xã hội. Cho nên, các hình thái tồn tại của sản xuất hàng hoá dưới chế độ XHCN là do tàn dư của chế độ tư hữu để lại.

Trong ba hình thái hàng hoá tồn tại dưới chế độ XHCN: phân phối theo lao động là quan hệ giữa Nhà nước với cá nhân; trao đổi giữa tập thể nông dân và Nhà nước là quan hệ giữa tư đối với công (vì kinh tế tập thể được coi là “nội công ngoại tư” tức đối nội là công hữu, còn trao đổi hàng hoá với Nhà nước thì là quan hệ tư đối với công); trao đổi hàng hoá giữa các xí nghiệp quốc doanh là quan hệ “đại công với tiểu công” (công hữu lớn và công hữu nhỏ) hoặc “tiểu công với tiểu công”, giữa các công hữu nhỏ với nhau...¹.

- *Quan điểm do hai loại chế độ sở hữu quyết định*

Quan điểm hai loại chế độ sở hữu cho rằng, do hai loại chế độ sở hữu toàn dân và tập thể tồn tại, hàng hoá trao đổi giữa hai bên phát sinh sự chuyển dịch quyền sở hữu nên là trao đổi hàng hoá².

- *Quan điểm do phân phối theo lao động quyết định*

Quan điểm này chỉ ra, trong điều kiện thực hiện phân phối theo lao động, tiêu

chuẩn giám sát và tính số lượng của Nhà nước đối với lượng lao động của nhân công bỏ ra là lượng lao động tất yếu của xã hội, tức giá trị. Cho nên phân phối theo lao động giữa Nhà nước với công nhân, viên chức là quan hệ hàng hoá.

- *Quan điểm do phân công xã hội quyết định*

Quan điểm này nêu lên định nghĩa hàng hoá là sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi. Trong quá trình trao đổi, quyền sở hữu hàng hoá có thay đổi, sự thay đổi này chỉ là sự thay đổi về hình thức biểu hiện của quyền sở hữu chứ không phải là bản thân quyền sở hữu. Cơ sở tồn tại của hàng hoá là phân công xã hội. Các xí nghiệp quốc doanh đều thuộc về sở hữu nhà nước. Nhưng, do thực hiện hạch toán kinh tế, các xí nghiệp trở thành đơn vị kinh tế tương đối độc lập. Do sự phân công khác nhau, tất nhiên sẽ diễn ra trao đổi hàng hoá giữa chúng với nhau. Kiểu trao đổi này là trao đổi hàng hoá. Còn đối với sự trích chuyển hàng hóa giữa các đơn vị quốc doanh chẳng qua chỉ là một kiểu mua bán hàng hoá có kế hoạch hơn, không cần phải dùng đến tiền mặt trong giao dịch, thực chất đó cũng là mua bán hàng hoá.

Với bốn loại quan điểm trên, các nhà kinh tế Trung Quốc đều căn cứ vào lý luận giá trị hàng hoá của Mác để phân tích nguyên nhân tồn tại của sản xuất hàng hoá. Các quan điểm đều thừa nhận trong điều kiện CNXH có tồn tại sản xuất hàng hoá nhưng sự lý giải của chúng lại không giống nhau. Quan điểm thứ nhất và quan điểm thứ hai cho rằng tư liệu sản xuất được chuyển đổi trong nội bộ chế độ sở hữu toàn dân thực chất

không phải là hàng hoá mà chỉ là vỏ bên ngoài của hàng hoá. Quan điểm thứ ba mặc dù đã vứt bỏ lý luận về cái vỏ của hàng hoá song lại chịu ảnh hưởng của lý luận tiêu vong hàng hoá, cho rằng khi tương lai thực hiện phân phối theo nhu cầu, thì hàng hóa sẽ mất đi. Chỉ có quan điểm thứ tư xuất phát từ đặc trưng của hàng hoá là chứng minh cho nguyên nhân căn bản của sự tồn tại hàng hoá trong xã hội XHCN.

2.2 Về quy luật giá trị

Thời kỳ này, các nhà kinh tế Trung Quốc đưa ra 3 quan điểm quan trọng nhằm thúc đẩy cải cách thể chế quản lý kinh tế bằng kế hoạch:

2.2.1 Quan điểm quy luật giá trị là cơ sở phát triển kinh tế

Quan điểm này do Tôn Dã Phương đưa ra. Theo ông, vai trò của quy luật giá trị chính là thông qua giá trị mà lượng lao động bình quân xã hội cần thiết quyết định, thúc đẩy sức sản xuất xã hội phát triển, điều tiết hoặc phân phối sức sản xuất xã hội. Vai trò này tồn tại trong CNTB, CNXH và cả trong chủ nghĩa cộng sản tương lai. Chỉ trong nền kinh tế hàng hoá dưới chế độ tư hữu, thông qua cạnh tranh thị trường nó mới phát huy tác dụng. Trong nền kinh tế kế hoạch XHCN, có thể chủ động nắm bắt nó thông qua phương pháp tính toán. Do vậy, ông nhấn mạnh phải đặt kế hoạch trên cơ sở quy luật giá trị. Năm 1956, ông viết bài "*Đặt kế hoạch và thống kê trên cơ sở của quy luật giá trị*"³, với chủ trương xây dựng cơ chế điều tiết bằng quy luật giá trị trên cơ sở tính toán giá trị.

Có thể nói, quan điểm này của Tôn Dã Phương đã đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng kinh tế của Trung Quốc. Ông đã nhận ra rằng, thể chế quản lý kế hoạch sao chép từ Liên Xô đã ngăn cản sự phát triển của sức sản xuất và bắt đầu đi sâu tìm tòi thể chế mới. Nhiều nhà kinh tế Trung Quốc đánh giá đây là sự mở đầu của lịch sử cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc⁴.

2.2.2 Quan điểm quy luật giá trị tự điều tiết

Đây là quan điểm của nhà kinh tế Ứng Thành Vượng. Ông cho rằng quy luật phát triển có kế hoạch không đóng vai trò điều tiết sản xuất. Ông chỉ ra quy luật phát triển theo tỷ lệ là quy luật phát triển sức sản xuất mà tất cả các hình thái xã hội đều có. Theo ông, vai trò của quy luật giá trị trong nền kinh tế TBCN và XHCN đều như nhau, chỉ khác nhau ở hình thức biểu hiện. Xét từ hai nền kinh tế TBCN và XHCN, tác dụng của quy luật phát triển theo tỷ lệ là căn nguyên của điều tiết trong quá trình sản xuất, vai trò của quy luật giá trị là mấu chốt của điều tiết. Vì vậy, hai nền kinh tế này về thực chất là giống nhau. Chúng khác nhau chỉ ở chỗ biểu hiện hay không biểu hiện thành trạng thái vô chính phủ. Do quy luật phát triển theo tỷ lệ và có kế hoạch không giải quyết được mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng sản phẩm và việc quyết định giá trị của sản phẩm nên ông chủ trương để cho quy luật giá trị tự điều tiết.

2.2.3 Quan điểm thị trường tự điều tiết

Quan điểm này được nhà kinh tế Cố Chuẩn đề xuất. Ông cho rằng quy luật giá trị hạn chế kế hoạch kinh tế, kế

hoạch kinh tế cần vận dụng quy luật giá trị. Quy luật giá trị không chỉ điều tiết sản xuất và lưu thông tư liệu tiêu dùng mà còn điều tiết sản xuất và lưu thông tư liệu sản xuất. Sự điều tiết của quy luật giá trị đối với sản xuất xã hội được thực hiện thông qua hạch toán kinh tế. Thực hiện hạch toán kinh tế cần phải lấy doanh nghiệp làm đơn vị, doanh nghiệp phải có vốn độc lập, phải tự tính toán lỗ lãi, tự tiêu thụ sản phẩm, tự quyết định giá cả. Biện pháp để phát huy tối đa tác dụng của chế độ hạch toán kinh tế là làm cho mối quan hệ giữa tiền thù lao vật chất của người lao động và lỗ lãi của doanh nghiệp gắn bó chặt chẽ với nhau, làm cho giá cả trở thành công cụ chủ yếu của điều tiết sản xuất. Sự lên xuống của giá cả trên thị trường chính là quá trình tự điều tiết sản xuất. Doanh nghiệp theo đuổi giá cả trên thị trường sẽ có lợi cho sản xuất.

Ba quan điểm trên đưa ra trong những năm từ 1956-1965, bị coi là đi ngược lại với trào lưu tư tưởng lúc đó. Họ bị bài xích là lời lẽ của phái hữu, bị coi là phần tử của chủ nghĩa xét lại phản cách mạng và bị phê phán. Song, tư tưởng của họ đã mở đường cho các nhà nghiên cứu lý luận kinh tế. Phải tới những năm 90 của thế kỷ XX, những quan điểm trên mới được lịch sử chứng minh là chính xác và “những hạt giống được gieo trồng từ những năm 50 cuối cùng đã trở thành những cây mạ khoẻ mạnh trong những năm 90”⁵.

3. Thời kỳ 1965-1977: Thời kỳ tụt hậu

Thời kỳ này, Trung Quốc nổ ra cuộc “đại cách mạng văn hoá”. Trong cuộc cách mạng này, những quan điểm về quan hệ giữa kế hoạch và thị

trường bị gọi là “cổ độc” chống lại Đảng, chống CNXH, chống chủ nghĩa Mác - Lê nin và bị lên án không dứt. Đồng thời, một bộ lý luận kinh tế “tả” cũng phát triển. Lâm Bưu và “bè lũ bốn tên” đã đưa ra một số quan điểm sai trái về vấn đề giá trị hàng hoá. Quan điểm chủ yếu của chúng đưa ra là sản xuất hàng hoá, trao đổi tiền tệ là dấu vết của xã hội cũ, là tàn dư của chế độ bóc lột; trao đổi hàng hoá là mảnh đất, là điều kiện ấp trứng của CNTB và giai cấp tư sản; quy luật giá trị là một sức mạnh dị kỷ... Theo chúng, sản xuất hàng hoá và quy luật giá trị sẽ tạo ra CNTB, chỉ có thể hạn chế bằng chuyên chính của giai cấp vô sản.

Do vậy, ngoài những bài viết, bài phát biểu nhằm tuyên truyền rộng và làm xấu thêm tình hình, chúng còn lôi hết những người làm công tác nghiên cứu lý luận kinh tế ra hỏi tội và đóng lại toàn bộ những vấn đề lý luận kinh tế. Điều này đã hoàn toàn dập tắt và thủ tiêu những cuộc thảo luận đúng đắn về vấn đề hàng hoá và giá trị. Sự phá hoại của Lâm Bưu và bè lũ bốn tên đã gây ra hậu quả xấu nghiêm trọng, lý luận kinh tế của Trung Quốc vì thế bị tụt hậu.

Sau khi bè lũ bốn tên bị đánh đổ, các nhà kinh tế Trung Quốc đã tiến hành phê phán những tư tưởng sai trái của chúng. Song, sự phê phán đó mới chỉ ở mức độ nhấn mạnh việc sản xuất hàng hoá và quy luật giá trị trong XHCN là thuộc về CNXH, không phải là CNTB, ngoài ra không có lý luận gì mới.

4. Thời kỳ 1978 - nay: Thời kỳ nhảy vọt

Hội nghị Trung ương 3 khoá XI Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 12-1978)

quyết định chuyển trọng điểm công tác của Đảng từ “lấy đấu tranh giai cấp là chính” sang “lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm”, đồng thời yêu cầu phải cải cách thể chế kinh tế. Điều này đã thúc đẩy các nhà nghiên cứu lý luận nỗ lực tìm tòi bản chất của kinh tế XHCN. Đối với một loạt vấn đề liên quan đến sản xuất hàng hoá và quy luật giá trị trước đây chưa giải quyết được, họ đã tiến hành những tìm hiểu mới. Do vậy, ở thời kỳ này, có sự tiến triển về mặt lý luận:

4.1. Quan điểm kết hợp kinh tế kế hoạch là chính, điều tiết thị trường là phụ

Ở thời kỳ đầu của cải cách, đứng trước nền kinh tế suy sụp sau cách mạng văn hoá, nhiều nhà kinh tế học đề xuất những luận điểm mới. Để chống lại quan điểm “hữu khuynh” đòi xoá bỏ “quan hệ hàng tiền”, họ nêu ý kiến cần phải phát huy hơn nữa tác dụng của quy luật giá trị. Nhà kinh tế Tôn Dã Phương đưa ra “dù có ngàn vạn quy luật, quy luật giá trị vẫn đứng hàng đầu”. Cố vấn kinh tế Tiết Mộ Kiều đề cập tới “cần phải lợi dụng thị trường để làm sống động lưu thông”... Nhưng do nhận thức của mọi người về kinh tế hàng hoá còn mơ hồ nên mãi tới Hội nghị công tác Trung ương tháng 4-1979, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Tiên Niệm lúc đó mới đưa ra quan điểm “kết hợp giữa điều tiết kế hoạch và điều tiết thị trường, lấy kinh tế kế hoạch làm chính, đồng thời hết sức coi trọng vai trò bổ trợ của điều tiết thị trường”⁶.

Với quan điểm này, các nhà kinh tế đã nhận thức được quy luật phát triển theo kế hoạch và quy luật giá trị cùng đóng vai trò điều tiết, cho nên cần thực

hiện phương châm kết hợp giữa điều tiết kế hoạch và điều tiết thị trường. Điều tiết kế hoạch có nghĩa xã hội có thể tự sắp xếp sản xuất xã hội theo tỷ lệ, điều tiết thị trường có nghĩa thông qua cơ chế thị trường để thực hiện phát triển sản xuất xã hội theo tỷ lệ. Điều tiết kế hoạch và điều tiết thị trường thẩm thấu lẫn nhau, điều tiết kế hoạch không thể tách khỏi việc sử dụng cơ chế thị trường, điều tiết thị trường không thể tách khỏi sự chỉ đạo của kế hoạch, hai thứ đó có mối quan hệ biện chứng, trong đó điều tiết kế hoạch là chính.

Đồng thời với việc đưa ra vấn đề kết hợp điều tiết kế hoạch và điều tiết thị trường, vào khoảng tháng 1, tháng 2 năm 1979, một số nhà kinh tế cũng nêu lên vấn đề kết hợp kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường. Ông Trần Văn đưa ra quan điểm “kết hợp kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường, lấy kinh tế kế hoạch làm chủ thể. Kinh tế thị trường là sự bổ sung quan trọng, chứ không phải là sự bổ sung thứ yếu”. Trong đề cương “Vấn đề kế hoạch và thị trường”, ông đưa ra “kinh tế kế hoạch là chính, điều tiết thị trường là phụ”. Khi đó, ở Trung Quốc người ta thường lẫn lộn giữa hai khái niệm kinh tế thị trường và điều tiết thị trường. Kinh tế thị trường được lý giải như từ đồng nghĩa với kinh tế hàng hoá, mà kinh tế hàng hoá thuộc phạm trù TBCN, nên sau đó người ta ít nhắc tới. Nhưng dù thế nào chăng nữa, khái niệm kinh tế thị trường cũng đã được nêu ra từ cuối những năm 70. Theo đánh giá của các chuyên gia Trung Quốc, đây là điểm chuyển tiếp thảo luận từ vấn đề vai trò của quy luật giá trị sang vấn đề kinh tế thị trường, là điểm chuyển tiếp từ thể

chế kinh tế kế hoạch sang thể chế kinh tế thị trường⁷.

Cùng thời gian này, nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình cũng bắt đầu có tư tưởng kinh tế thị trường. Trong bài nói chuyện chuẩn bị bế mạc Hội nghị công tác Trung ương (tháng 12-1978), ông nói: “Phải giải quyết mâu thuẫn giữa quyền tự chủ và kế hoạch nhà nước bằng quy luật giá trị, bằng quan hệ cung cầu”. Một năm sau, trong buổi tiếp chuyện với Phó Ban biên tập Công ty xuất bản Bách khoa toàn thư của Mỹ, ông Đặng nói rõ hơn: “Nói rằng kinh tế thị trường chỉ tồn tại ở xã hội TBCN thật là không đúng. Tại sao CNXH lại không? Không thể nói xây dựng kinh tế thị trường là CNTB được. Chúng tôi xây dựng kinh tế kế hoạch là chính, nhưng cũng kết hợp với kinh tế thị trường”⁸. Với tư tưởng đó của ông Đặng, nhiều người trong Đảng đã chấp nhận áp dụng nó, tuy lúc đó họ biết rằng điều kiện về lý luận và thực tiễn chưa đủ chín muồi để họ có thể lý giải nổi vấn đề xây dựng kinh tế thị trường XHCN là thế nào?

Như vậy, có thể nói, ngay từ khi Trung Quốc mới tiến hành cải cách mở cửa, các nhà lãnh đạo kinh tế Trung Quốc đã thấy được lực lượng thị trường, có thể kết hợp bổ sung nó trong khuôn khổ kế hoạch của Nhà nước trong việc bố trí sắp đặt nguồn lực kinh tế. Đây là sự tiến bộ rất lớn so với những quan niệm về kinh tế và thể chế kinh tế trước đó. Tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng nó đã phá vỡ thể chế kinh tế kế hoạch.

4.2. Quan điểm kinh tế XHCN là kinh tế hàng hoá có kế hoạch

Cùng với bước đi của cải cách mở cửa, mối quan hệ kết hợp giữa kế hoạch và thị trường ngày càng được tăng cường.

Đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, ông Tiết Mộ Kiều chủ trương cải cách lưu thông toàn diện nhằm triệt để phát huy tác dụng của thị trường. Theo ông, khẩu hiệu “kinh tế kế hoạch là chính, điều tiết thị trường là phụ” là không đúng, cần phải thay bằng “xây dựng kinh tế hàng hoá XHCN”. Thuyết kinh tế hàng hoá được nêu ra, nhận thức của các nhà lãnh đạo Trung Quốc có sự tiến triển. Trong văn kiện “*Ý kiến bước đầu về cải cách thể chế kinh tế*” do Văn phòng cải cách thể chế Quốc vụ viện đưa ra tháng 9-1980 chỉ rõ: “Nền kinh tế XHCN của nước ta giai đoạn hiện nay là nền kinh tế hàng hoá, trong đó chế độ công hữu tư liệu sản xuất chiếm ưu thế, nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại”. “Nguyên tắc và phương hướng cải cách thể chế kinh tế cần phải là: kiên trì chế độ công hữu tư liệu sản xuất, tự giác vận dụng quy luật giá trị, cải cách điều tiết kế hoạch đơn nhất thành điều tiết thị trường dưới sự chỉ đạo của kế hoạch, theo yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá và thúc đẩy sản xuất lớn xã hội hoá”.

Văn kiện quan trọng này đã đánh dấu sự phát triển trong nhận thức của các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Tuy nhiên, lúc đó nó chưa thể quán triệt trở thành nhận thức chung cho tất cả mọi người, nhất là đối với những người chịu ảnh hưởng sâu sắc của kinh tế kế hoạch trong suốt 30 năm trước đó. Đặc biệt, sau những năm 80 của thế kỷ XX, do một số tác dụng phụ của thể chế mới và do việc thả lỏng quyền hạn ở doanh nghiệp quốc hữu chưa được khắc phục nên đã xuất hiện một số vấn đề như gia tăng thâm hụt tài chính, lạm phát trầm trọng, trật tự kinh tế rối loạn... Một số

người vốn có quan điểm bất đồng đối với việc phát huy tác dụng của kinh tế thị trường đã quy chúng là hậu quả của tác dụng quy luật giá trị và điều tiết kinh tế. Do đó, thuyết kinh tế hàng hoá XHCN nêu ra chưa được bao lâu đã bị phê phán. Việc phê phán đối với thuyết kinh tế hàng hoá XHCN kéo dài cho tới Hội nghị Trung ương 3 khoá XII Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 10-1984.

Hội nghị Trung ương 3 khoá XII đã thông qua “Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế kinh tế”. Nghị quyết chỉ rõ: “Nền kinh tế XHCN là nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch trên cơ sở chế độ công hữu. Phát triển đầy đủ kinh tế hàng hoá là giai đoạn không thể bỏ qua của sự phát triển kinh tế xã hội, là điều kiện tất yếu để thực hiện hiện đại hoá Trung Quốc”⁸.

Đây là một đột phá quan trọng về lý luận, chỉ ra phương hướng đúng đắn cho cuộc cải cách. Chỉ có phát triển đầy đủ kinh tế hàng hoá mới có thể làm cho nền kinh tế có sức sống. Lần đầu tiên, Trung Quốc khẳng định rõ ràng kinh tế XHCN là kinh tế hàng hoá. Nó đánh dấu sự nhảy vọt về nhận thức đối với kinh tế XHCN, từ đó đưa lý luận cải cách thể chế kinh tế lên một bước phát triển mới. Ông Đặng Tiểu Bình đã đánh giá rất cao văn kiện này: “Văn kiện cải cách thể chế kinh tế lần này rất tốt, giải thích CNXH là gì, có những điều các bậc tiền bối của chúng ta chưa hề nói tới, những điều mới lạ. Tôi thấy rất rõ ràng”. Ông gọi nó “là kinh tế chính trị học kết hợp nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tiễn CNXH của Trung Quốc”⁹. Tuy lý luận này là một bước đột phá lớn lao, nhưng

nó vẫn chưa nói rõ kế hoạch và thị trường ai là chủ? dựa trên cơ sở nào?

Sau Hội nghị Trung ương 3 khoá XII, Hội nghị đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 9-1985 đã chỉ ra vấn đề “từng bước hoàn thiện hệ thống thị trường”, nhấn mạnh phát triển bốn thị trường lớn là thị trường hàng hoá, thị trường tiền vốn, thị trường sức lao động và thị trường kỹ thuật. Điều này khiến cho nhận thức của người dân Trung Quốc về kinh tế hàng hoá ngày càng gần với khái niệm kinh tế thị trường.

Tới Đại hội Đảng lần thứ XIII (tháng 11- 1987), “Báo cáo chính trị” của Đại hội đã không còn nhắc tới kinh tế kế hoạch nữa, mà nhấn mạnh “vai trò của kế hoạch và thị trường đều là cơ chế vận hành kinh tế mới bao phủ lên toàn xã hội”. Cơ chế vận hành kinh tế mới cần phải là “Nhà nước điều tiết thị trường, thị trường dẫn dắt xí nghiệp”¹⁰. Đại hội XIII nêu ra phương châm “hoàn thiện môi trường kinh tế, chỉnh đốn trật tự kinh tế, đi sâu cải cách toàn diện”. Sau Đại hội XIII, nhiều nhà lãnh đạo Trung Quốc kiến nghị áp dụng quan điểm kinh tế thị trường XHCN, khiến cho mục tiêu cải cách kinh tế của Trung Quốc càng rõ ràng hơn. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số người giữ ý kiến ngược lại. Đặc biệt, sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, những người này nêu ra vấn đề kế hoạch và thị trường là XHCN hay TBCN. Họ quả quyết “nền kinh tế XHCN chỉ có thể là kinh tế kế hoạch”; việc coi “nền kinh tế thị trường” là mục tiêu của CNXH chính là lấn lộn phạm trù kinh tế của phương thức sản xuất TBCN... Từ đó, họ khẳng định: Mục tiêu cải cách “theo phương hướng thị trường

tức là theo phương hướng TBCN”, “kinh tế thị trường tức là TBCN”, “kinh tế thị trường chính là xoá bỏ chế độ công hữu, điều này có nghĩa là phủ định sự lãnh đạo của Đảng, phủ định chế độ XHCN, theo CNTB”... Những người này đã đánh đồng kinh tế kế hoạch với CNXH, đánh đồng kinh tế thị trường với CNTB.

Trước sự phản bác đó, những người chủ trương cải cách theo hướng thị trường nêu rõ: Khẩu hiệu “kinh tế kế hoạch kết hợp với điều tiết thị trường” đã rút lui từ Hội nghị Trung ương 3 khoá XII và Đại hội Đảng lần thứ XIII. Họ cho rằng: “Kế hoạch và thị trường chỉ là hai biện pháp và hình thức bố trí nguồn lực, chứ không phải là tiêu chí để phân định chế độ xã hội. CNTB có kế hoạch và CNXH có thị trường”¹¹.

Như vậy, cho tới cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, mọi người đều nhận thức được tác dụng của việc phát triển kinh tế hàng hoá, mở rộng cơ chế thị trường, nhưng vẫn hoài nghi về kinh tế thị trường, mặc dù Trung Quốc đã có sự đột phá tương đối lớn đối với quan niệm truyền thống.

4.3. Quan điểm kinh tế thị trường

Đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX, ở Trung Quốc đã xuất hiện một trận luận chiến lớn về cải cách thất bại hay thành công? Vì lý luận cải cách là cơ sở tư tưởng của thực tiễn cải cách nên việc phê phán quy mô lớn đối với lý luận kinh tế thị trường đã gây ra sự lo lắng, nghi ngờ, rối loạn trong cán bộ và quần chúng nhân dân. Thêm vào đó lại xảy ra sự biến động chính trị ngày 19-8-1991 của Liên Xô, rồi cuộc cải cách của Liên Xô và các nước Đông Âu không triệt để dẫn tới vật giá

tăng cao, tài chính tín dụng rối loạn... khiến cho cải cách ở Trung Quốc trong thời gian này bị chậm lại. Trong những văn kiện chính thức, vấn đề kinh tế thị trường vẫn chưa được đề cập tới. Người ta có thể tiếp thu kinh tế hàng hoá nhưng lại tránh không nói tới kinh tế thị trường. Họ vẫn luôn băn khoăn bởi vấn đề kinh tế thị trường mang tính chất XHCN hay TBCN.

Trước sự băn khoăn đó, nhà lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đã có những cuộc nói chuyện về vấn đề kế hoạch và thị trường. Lần đầu tiên là vào ngày 24 - 12 - 1990, khi nói chuyện với mấy nhà lãnh đạo Trung Quốc trước ngày họp Hội nghị Trung ương 7 khoá XIII, ông nói: “Từ góc độ lý luận cần phải hiểu rằng, sự khác biệt giữa CNXH và CNTB không phải là vấn đề kế hoạch hay thị trường. CNXH có sự điều tiết thị trường, CNTB có sự kiểm soát đối với kế hoạch... Không nên cho rằng thực hiện một chút kinh tế thị trường là đi theo con đường TBCN, không thể có chuyện đó. Kế hoạch và thị trường đều rất cần thiết. Không thực hiện kinh tế thị trường, ngay cả đến những thông tin về thế giới cũng không biết, là tự cam chịu lạc hậu”¹². Lần thứ hai là khi nói chuyện với các nhà lãnh đạo thành phố Thượng Hải đầu năm 1991, ông chỉ rõ: “Không nên cho rằng, hễ nói tới kế hoạch thì là CNXH, hễ nói tới thị trường thì là CNTB, không phải như vậy, hai thứ đó đều là biện pháp, thị trường cũng có thể phục vụ cho CNXH”¹³.

Tuy đã hai lần tỏ rõ quan điểm của mình, nhưng phải tới sau chuyến đi miền Nam Trung Quốc đầu năm 1992, ông Đặng trực tiếp gặp gỡ quần chúng,

trình bày quan điểm của mình về kế hoạch và thị trường, nó mới thực sự có tác dụng. Ông nói dứt khoát hơn trước đó: “Kế hoạch nhiều hơn một chút hay thị trường nhiều hơn một chút không phải là sự khác biệt bản chất giữa CNXH và CNTB. Kinh tế kế hoạch không đồng nghĩa với CNXH, CNTB cũng có kế hoạch. Kinh tế thị trường không đồng nghĩa với CNTB, CNXH cũng có thị trường, kế hoạch và thị trường đều là các biện pháp kinh tế”¹⁴. Ông chỉ rõ: “Bản chất của CNXH là giải phóng sức sản xuất, phát triển sức sản xuất”. Quan điểm này của ông Đặng đã trả lời câu hỏi mọi người tranh luận không ngừng bấy lâu nay mà không giải quyết nổi: “Cải cách đi theo con đường nào, XHCN hay TBCN” (Trung Quốc gọi tắt là họ “xã” hay họ “tư”). Ông Đặng đã phân biệt giữa CNXH với CNTB không phải là vấn đề kế hoạch hay thị trường. Ông khẳng định giữa CNXH với kinh tế thị trường không có mâu thuẫn cơ bản. CNXH có thể tương hợp và có sự kết hợp hữu cơ với kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường XHCN gắn bó chặt chẽ với chế độ cơ bản của CNXH. Mục đích của sản xuất XHCN là nhằm thoả mãn không ngừng nhu cầu đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Nó khác với mục đích của sản xuất TBCN là nhằm theo đuổi lợi nhuận tối đa. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là cơ sở kinh tế của nhà nước XHCN, là cơ sở kinh tế của kiến trúc thượng tầng bao gồm cả hệ tư tưởng. Do vậy, kinh tế thị trường XHCN có ba đặc trưng quan trọng: Lấy chế độ công hữu làm chủ thể; lấy phân phối theo lao động làm chủ thể; lấy sự điều tiết vĩ mô của nhà nước làm chủ đạo.

Theo ông Đặng: “Kết hợp kinh tế có kế hoạch với kinh tế thị trường sẽ càng giải phóng được lực lượng sản xuất, đẩy nhanh phát triển kinh tế”¹⁵.

Với tư tưởng trên, ông Đặng đã làm rõ những điểm khác biệt giữa kinh tế thị trường XHCN với kinh tế thị trường TBCN. Đồng thời, ông cũng cung cấp những luận cứ khoa học để nhận thức đúng đắn và vận dụng hai biện pháp kinh tế là kế hoạch và thị trường. Tư tưởng của ông vì vậy có tác dụng chỉ đạo và thúc đẩy mạnh mẽ đối với việc đổi mới quan niệm, xác lập mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN. Các chuyên gia Trung Quốc đánh giá rằng, đây là cuộc “giải phóng tư tưởng lần thứ hai”. Lần giải phóng tư tưởng này tập trung chủ yếu vào việc hiểu đúng đắn thế nào là họ “xã”, họ “tư”. Nó có ý nghĩa rất sâu sắc.

Dựa vào luận điểm trên của ông Đặng Tiểu Bình, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIV (tháng 10-1992) chính thức tuyên bố: “Mục tiêu cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc là xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN” và chỉ rõ: “Thể chế kinh tế thị trường XHCN chính là làm cho thị trường phát huy được vai trò mang tính cơ sở trong việc bố trí các nguồn lực dưới sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước XHCN, khiến cho các hoạt động kinh tế tuân theo yêu cầu của quy luật giá trị; thích ứng với sự thay đổi của quan hệ cung cầu; thông qua chức năng của đòn bẩy giá cả và cơ chế cạnh tranh, phân phối các nguồn lực một cách hiệu quả, tạo ra động lực và sức ép cho doanh nghiệp, thực hiện chọn lọc tốt dùng xấu loại, lợi dụng ưu điểm của thị trường phản ứng mau lẹ với các tín

hiệu kinh tế, thúc đẩy điều tiết kịp thời sản xuất và nhu cầu tiêu dùng”¹⁶.

Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11-1993) đã nêu ra nội dung của việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường là: “Lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển; chuyển đổi thêm một bước cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp quốc hữu, xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại thích ứng với đòi hỏi của kinh tế thị trường, quyền sở hữu tài sản rõ ràng, quyền lợi và trách nhiệm phân minh, tách rời chức năng chính quyền và doanh nghiệp, quản lý khoa học; xây dựng hệ thống thị trường mở cửa thống nhất trong cả nước, kết hợp chặt chẽ thị trường thành thị và nông thôn, gắn thị trường trong nước với thị trường quốc tế, thúc đẩy bố trí tối ưu các nguồn lực; chuyển đổi chức năng quản lý kinh tế của Chính phủ, xây dựng hệ thống điều tiết vĩ mô hoàn thiện lấy biện pháp gián tiếp làm chính, bảo đảm sự vận hành lành mạnh của nền kinh tế quốc dân; xây dựng chế độ phân phối thu nhập lấy phân phối theo lao động là chính, ưu tiên hiệu suất, chú trọng công bằng, khuyến khích một số khu vực và một số người giàu lên trước, đi lên con đường cùng giàu có; xây dựng chế độ bảo hiểm xã hội nhiều tầng, tạo cho nhân dân thành thị và nông thôn chế độ bảo hiểm xã hội thích ứng với tình hình nước ta, thúc đẩy kinh tế phát triển, xã hội ổn định. Những khâu chủ yếu này là một thể hữu cơ gắn với nhau và tác động lẫn nhau, tạo nên khung cơ bản của thể chế kinh tế thị trường XHCN”¹⁷.

Sau Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV, Trung Quốc đề ra mục tiêu cải cách thể

chế kinh tế là: Bước đầu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN vào cuối thế kỷ XX. Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 9 - 1997) đặt ra mục tiêu tới năm 2010, xây dựng thể chế kinh tế thị trường tương đối hoàn thiện. Với mục tiêu này, Đại hội XV đã đặt trọng tâm vào việc cải bỏ sự trói buộc của lý luận kinh tế truyền thống đối với sức sản xuất do kết cấu chế độ sở hữu đơn nhất đem lại, xác định nền kinh tế trong đó “chế độ công hữu làm chủ thể, kinh tế nhiều chế độ sở hữu cùng phát triển là chế độ kinh tế cơ bản của nước ta trong giai đoạn đầu của CNXH”¹⁸.

Luận điểm trên của Đại hội XV về chế độ sở hữu đã giải toả những khúc mắc về nhiều quan điểm lý luận trong một thời gian dài đã gây trở ngại cho quá trình cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc. Trước đây, người ta quan niệm quá trình xây dựng CNXH là quá trình hạn chế đi tới thủ tiêu các thành phần kinh tế phi công hữu. Nghị quyết Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng còn cho rằng “kinh tế phi công hữu” chỉ đóng vai trò “bổ sung”. Đại hội XV lần đầu tiên khẳng định “chế độ công hữu là chủ thể, kinh tế thuộc nhiều chế độ sở hữu cùng phát triển là “chế độ kinh tế cơ bản” ở Trung Quốc trong giai đoạn đầu của CNXH. Đại hội đưa ra “kinh tế phi công hữu là bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế thị trường XHCN”. Đây là một quan điểm mới trong lý luận về đặc trưng cơ bản của CNXH. Nó được coi là bước đột phá mới về lý luận, lần giải phóng mới về tư tưởng trong quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN.

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11 - 2002), dựa trên cơ sở đã xây dựng được mô hình cơ bản của thể chế kinh tế thị trường từ năm 1992 đến nay và mục tiêu phát triển đến ngày kỷ niệm 100 năm thành lập nước Trung Hoa mới, đề ra: “Trong 20 năm đầu của thế kỷ này, Trung Quốc phải tập trung toàn lực xây dựng toàn diện xã hội khá giả (tiểu khang) với trình độ cao hơn, đem lại lợi ích cho số dân tỷ mấy người, làm cho kinh tế phát triển hơn, dân chủ kiện toàn hơn, khoa học giáo dục tiến bộ hơn, văn hóa phồn vinh hơn, xã hội hoà hợp hơn, cuộc sống nhân dân sung túc hơn. Đó là một giai đoạn phát triển tiếp nối tất phải trải qua để tiến tới mục tiêu chiến lược bước ba của công cuộc xây dựng hiện đại hoá, cũng là giai đoạn then chốt để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN và tăng cường mở cửa đối ngoại”¹⁹.

Để đạt được mục tiêu trên, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức tại Bắc Kinh (tháng 10 - 2003) đã chỉ ra nhiệm vụ chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN là: “Hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản lấy chế độ công hữu làm chủ thể, kinh tế nhiều chế độ sở hữu khác cùng phát triển; xây dựng thể chế có lợi cho việc từng bước thay đổi kết cấu kinh tế nhị nguyên thành thị và nông thôn; hình thành cơ chế thúc đẩy phát triển hài hoà kinh tế vùng; xây dựng hệ thống thị trường hiện đại thống nhất, mở cửa, cạnh tranh, có trật tự; hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô, thể chế quản lý hành chính và chế độ pháp luật kinh tế; kiện toàn chế độ việc làm, phân phối thu nhập và bảo đảm xã hội, xây

dựng cơ chế thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển bền vững”²⁰. Theo tinh thần Hội nghị, Trung Quốc cần căn cứ vào yêu cầu của tư tưởng quan trọng “ba đại diện”, nắm chặt cơ sở đổi mới chế độ, mạnh dạn phá vỡ những trở ngại mang tính thể chế và những mâu thuẫn mang tính kết cấu hạn chế sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội, thực hiện bước đột phá về thực chất của cải cách trên nhiều phương diện để tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN.

Nhìn lại quá trình 55 năm nghiên cứu, tìm tòi và phát triển lý luận kinh tế của các nhà kinh tế Trung Quốc, chúng tôi có một vài nhận xét:

Thứ nhất, các nhà kinh tế Trung Quốc đã lấy vấn đề quan hệ giữa kế hoạch và thị trường làm hạt nhân của lý luận kinh tế XHCN. Nhiều nhà kinh tế học nhận thức được rằng, các quốc gia XHCN chỉ bằng cách nhờ vào thị trường mới có thể làm sống lại đời sống kinh tế đã bị trói chặt chân tay bởi những kế hoạch mang tính chỉ thị, mệnh lệnh. Đương nhiên thị trường cũng không có tính vạn năng, cần phải có “bàn tay hữu hình” như sự điều tiết, khống chế vĩ mô của Chính phủ để sửa chữa những thiếu sót của thị trường, bảo đảm cho kinh tế vận hành một cách lành mạnh.

Thứ hai, những vấn đề lý luận kinh tế thị trường mang tính khoa học sâu sắc. Các nhà kinh tế Trung Quốc đã có sự phân tích khoa học về quan hệ giữa kinh tế hàng hoá XHCN và kinh tế thị trường, từ đó đi tới khẳng định CNXH và kinh tế thị trường không có mâu thuẫn cơ bản. CNXH có thể tương hợp và có sự kết hợp hữu cơ với kinh tế thị

trường. Kinh tế thị trường XHCN gắn bó chặt chẽ với chế độ cơ bản của CNXH. Xây dựng kinh tế XHCN chính là phát triển kinh tế thị trường XHCN. Những vấn đề lý luận này đã trả lời cho vấn đề xây dựng CNXH ở Trung Quốc nên là như thế nào.

Thứ ba, lý luận kinh tế thị trường XHCN là thành quả quan trọng nhất, xuất sắc nhất trong nghiên cứu lý luận kinh tế trong 55 năm qua ở Trung Quốc. Lý luận này hoàn toàn mới, quá trình nhận thức và tìm tòi ra nó đầy cam go và phức tạp. Trung Quốc phải trải qua những cuộc “đại luận chiến” gay gắt để dần dần có sự đột phá về nhận thức đối với thể chế kinh tế truyền thống, đổi mới về quan niệm, tìm tòi lựa chọn ra nó. Trong giai đoạn hiện nay, thể chế kinh tế thị trường đã là căn cứ chỉ đạo cho các chính sách phát triển kinh tế của Trung Quốc. Nó đóng vai trò quyết định trong việc giải phóng và phát triển sức sản xuất. Trong tương lai, nó sẽ thúc đẩy công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đi xa hơn nữa.

Tóm lại, trong 55 năm qua, hệ thống lý luận kinh tế của Trung Quốc đã từng bước giành được sự tiến bộ về chất. Nó đã góp phần thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đứng hàng đầu thế giới, đã tạo nên kỳ tích cho Trung Quốc. Song, những vấn đề Trung Quốc phải đối mặt trong quá trình xây dựng hiện đại hoá còn rất nhiều, nên những vấn đề kinh tế hiện thực cần nghiên cứu cũng không phải ít. Do đó, nghiên cứu lý luận kinh tế vẫn sẽ tiếp tục phát triển theo chiều sâu, triển vọng của nó là vô cùng khả quan./.

CHÚ THÍCH

(1) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Nxb Nhân dân, Côn Minh, Vân Nam (Trung Quốc), 9-1999, tr. 80.

(2) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 82.

(3) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 84.

(4) Như chú thích (3).

(5) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 85.

(6) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 103.

(7) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 98.

(8). Tạ Xuân Đào: *Tranh luận về kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường*. Tạp chí *Tân Hoa văn trích* (Trung Quốc), số 6 - 1998.

(9) Lý Thiết Ánh: *Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 9-2002, tr. 46.

(10) Tạ Xuân Đào: *Tranh luận về kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường*. Tạp chí *Tân Hoa văn trích* (Trung Quốc), số 6 - 1998.

(11) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 121.

(12) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 126.

(13) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 127.

(14) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 128.

(15) Lý Thiết Ánh: *Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 9-2002, tr. 47.

(16) Văn kiện số 2 năm 1992 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

(17) Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Tlđđ, tr. 129.

(18) Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN. *Nhân dân nhật báo* (Trung Quốc), ngày 17-11-1993.

(19) Văn kiện Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nxb Văn hiến KHXH, Bắc Kinh (Trung Quốc), 1997, tr. 21.

(20) Giang Trạch Dân: *Xây dựng toàn diện xã hội khá giả mở ra cục diện mới cho sự nghiệp XHCN đặc sắc Trung Quốc*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh (Trung Quốc), 2002, tr. 19.

(21) Hướng dẫn học tập "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN", Nxb Nhân dân, Bắc Kinh (Trung Quốc), 10-2003, tr. 2, 3.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Trác Nguyên (chủ biên): *50 năm tranh luận và phát triển lý luận kinh tế Trung Quốc*, Nxb Nhân dân, Côn Minh, Vân Nam (Trung Quốc), 9-1999.

2. Lý Thiết Ánh: *Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 9-2002.

3. Tạ Xuân Đào: *Tranh luận về kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường*. Tạp chí *Tân Hoa văn trích* (Trung Quốc), số 6 - 1998.

4. Văn kiện số 2 năm 1992 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

5. Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN. *Nhân dân nhật báo* (Trung Quốc), ngày 17-11-1993.

6. Văn kiện Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nxb Văn hiến KHXH, Bắc Kinh (Trung Quốc), 1997.

7. Giang Trạch Dân: *Xây dựng toàn diện xã hội khá giả mở ra cục diện mới cho sự nghiệp XHCN đặc sắc Trung Quốc*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh (Trung Quốc), 2002.

8. Hướng dẫn học tập "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN", Nxb Nhân dân, Bắc Kinh (Trung Quốc), 10-2003.